

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 25-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Tâm;

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Anh Tuấn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (Lẽm, L, L1, P), sinh năm 1987, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N; chưa có vợ, con;

Tiền án:

- Ngày 29/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2016;

- Ngày 26/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2020, chưa nộp án phí, chưa bồi thường thiệt hại;

Tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày 18/5/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong ngày 31/01/2012;

Bị tạm giữ từ ngày 18/3/2023 đến ngày 27/3/2023 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn Bé Út M, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đặng Nhật D, là Chủ hộ kinh doanh Đặng Nhật D, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Ngô Văn P1; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Thành T; vắng mặt.
- Bà Đỗ Thị Kim K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2023, Nguyễn Văn H đến huyện C, tỉnh Tiền Giang chơi. Do không tiền tiêu xài, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Trần Văn Bé Út M (người chạy xe đồ, được H thuê chở nhiều lần). Để thực hiện ý định, khoảng 13 giờ ngày 16/3/2023, H điện thoại kêu M điều khiển xe mô tô biển số 66H1-096.67 chở H về huyện C, tỉnh An Giang, với giá 500.000 đồng thì M đồng ý. Trên đường hướng từ xã H về A, huyện C, H nói dối M sẽ làm mai mối T1 (không rõ họ, địa chỉ) cho M và kêu M đưa điện thoại để gọi T1. M đồng ý và đưa điện thoại cho H. Khi đó, H cho biết T1 không đến nên gọi cho N1 (không rõ họ, địa chỉ) đến gặp H và M. N1 đến uống nước khoảng 05 phút thì ra về. H không trả lại điện thoại cho M mà cất giấu vào túi quần bên phải của H. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở M đến khu vực cầu thu phí thuộc ấp L, xã L, huyện C, nói dối M cho mượn xe mô tô để về nhà lấy tiền trả M, thì M đồng ý giao xe. H điều khiển xe mô tô của M (H biết bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động Nokia, 01 bóp da, 150.000 đồng, giấy phép lái xe và căn cước công dân của M) đến Cửa hàng N2 ở ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, bán xe mô tô của M cho Đặng Nhật D, với giá 3.900.000 đồng và bán điện thoại Samsung J7 cho người đàn ông lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ), với giá 500.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Do đợi lâu, không thấy H trả xe, điện thoại nên M trình báo Công an xã L. Ngày 18/3/2023, H ra đầu thú.

- Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 66H1-096.67, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân (đều mang tên Trần Văn B Út Mười), 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 bóp da màu nâu và 150.000 đồng (đều là tài sản của M). Các tài sản này đã được trao trả toàn bộ cho M.

- Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô biển số

66H1-096.67, trị giá 8.500.000 đồng; 01 điện thoại di động SamSung J7 màu xám, trị giá 560.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, trị giá 150.000 đồng; 01 bóp da màu nâu, trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 9.260.000 đồng.

Ngày 27/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố, tạm giam Nguyễn Văn H để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSCM ngày 17 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của bị hại, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do ngoài 02 tiền án, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào ngày 18/5/2011. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo làm thuê, không có thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với yêu cầu của ông D, đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 123, 131, 407 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo hoàn trả cho ông D số tiền 3.900.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, tài sản bị chiếm đoạt đã được giao trả cho bị hại nên đề nghị không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận, ngày 14/3/2023, bị cáo đến huyện C, tỉnh Tiền Giang chơi. Do không tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn Bé Út M, là người chạy xe đồ, được bị cáo thuê chở nhiều lần. Vào khoảng 13 giờ ngày 16/3/2023, bị cáo điện thoại kêu ông M đến cầu C thuộc huyện C, tỉnh Tiền Giang, chở bị cáo về huyện C, tỉnh An Giang, với giá 500.000 đồng. Ông M đồng ý. Sau đó, ông M điều khiển xe mô tô biển số 66H1-096.67 đến đón, chở bị cáo theo thỏa thuận. Trên đường đi, khi đến khu vực xã H, huyện C, bị cáo nói dối sẽ làm mai người tên T1 (không rõ họ, địa chỉ) cho ông M và kêu ông M đưa điện thoại để gọi cho T1. Ông M đồng ý, đưa điện thoại cho bị cáo. Do điện thoại cho T1 nhưng T1 có việc, không đến được nên bị cáo gọi điện cho người tên N1 (không rõ họ, địa chỉ) đến gặp bị cáo, ông M. N1 ngồi uống nước khoảng 05 phút thì ra về. Ông M kêu bị cáo trả lại điện thoại nhưng vì muốn chiếm đoạt điện thoại của ông M nên bị cáo không trả lại và nói dối chờ bạn của bị cáo gọi điện thoại lại. Bị cáo cất giấu điện thoại vào túi quần rồi để vào hộc xe mô tô của ông M. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, sau khi uống nước xong, do ông M không biết đường đi nên bị cáo điều khiển xe mô tô chở ông M đến khu vực cầu thu phí thuộc ấp L, xã L, huyện C. Bị cáo nói dối ông M cho mượn xe mô tô để về nhà lấy tiền trả cho ông M thì ông M đồng ý, giao xe. Bị cáo điều khiển xe mô tô của ông M đến Cửa hàng N2 ở ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, bán xe mô tô biển số 66H1-096.67 cho ông Đặng Nhật D, với giá 3.900.000 đồng và bán điện thoại Samsung J7 cho người đàn ông lạ với giá 500.000 đồng. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền có được. Đến ngày 18/3/2023, bị cáo đến Công an xã H, huyện C.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 18/3/2023 do Công an xã H, huyện C lập; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/3/2023 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C lập; lời

khai của ông Trần Văn Bé Út M về việc bị bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông M gồm 01 xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 66H1-096.67, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân (đều mang tên Trần Văn B Út Mười), 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 bóp da màu nâu và 150.000 đồng vào ngày 16/3/2023 khi bị cáo thuê ông M chở từ cầu C thuộc huyện C, tỉnh Tiền Giang về huyện C, tỉnh An Giang; lời khai của ông Ngô Văn P1, ông Nguyễn Thành T về việc được ông M cho biết bị bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản, rồi đến Công an xã L trình báo vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/3/2023; lời khai của bà Đỗ Thị Kim K về việc thấy ông M điều khiển xe mô tô chở người thanh niên ghé quán nước giải khát của bà K ở ấp A, xã H, huyện C để uống nước vào khoảng 15 giờ ngày 16/3/2023. Sau đó, ông M và người thanh niên điều khiển xe chạy về hướng xã L; lời khai của ông Đặng Nhật D về việc có mua 01 xe mô tô biển số 66H1-096.67 từ bị cáo với giá 3.900.000 đồng vào ngày 17/3/2023.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ bao gồm: 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 66H1-096.67, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân (đều mang tên Trần Văn B Út Mười), 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 bóp da màu nâu và 150.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại bao gồm 01 xe mô tô biển số 66H1-096.67, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Samsung J7, 01 bóp da màu nâu, số tiền 150.000 đồng cùng các giấy tờ tùy thân do ông M đứng tên (gồm có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 66H1-096.67, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân).

Theo Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG.TTHS ngày 27/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô biển số 66H1-096.67, trị giá 8.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung J7 màu xám, trị giá 560.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, trị giá 150.000 đồng; 01 bóp da màu nâu, trị giá 50.000 đồng. Tổng cộng 9.260.000 đồng. Vì vậy, cùng với số tiền 150.000 đồng bị chiếm đoạt, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.410.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông M là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua cách thức thực hiện hành vi và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Bên cạnh đó, bị cáo đang có 02 tiền án do bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào ngày 29/9/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2016; bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào ngày 26/5/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2020, chưa nộp án phí, chưa bồi thường thiệt hại. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”

theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do ngoài 02 tiền án, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào ngày 18/5/2011. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm thuê kiếm sống, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Ông Đặng Nhật D đã có hành vi mua xe mô tô biển số 66H1-096.67 do phạm tội mà có từ bị cáo. Tuy nhiên, khi mua tài sản, ông D không biết xe mô tô này do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông D là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo khai đã bán điện thoại di động nhãn hiệu Samung J7 cho người lạ. Do chưa xác định được họ tên, địa chỉ của người đã mua điện thoại di động nhãn hiệu Samung J7 từ bị cáo nên Cơ quan điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Văn Bé Út M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt gồm 01 xe mô tô biển số 66H1-096.67, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 bóp da màu nâu, số tiền 150.000 đồng cùng các giấy tờ tùy thân do ông M đứng tên. Riêng điện thoại di động Samung J7 không thu hồi được. Ông M không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 66H1-096.67 giữa bị cáo với ông Đặng Nhật D là vô hiệu. Xe mô tô biển số 66H1-096.67 đã được thu hồi giao trả cho bị hại. Ông D yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 3.900.000 đồng mà ông D đã bỏ ra mua xe mô tô từ bị cáo là phù hợp với quy định tại các Điều 122, 123, 131, 407 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bị cáo hoàn trả cho ông D số tiền 3.900.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại 01 xe mô tô biển số 66H1-096.67, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 bóp da màu nâu, số tiền 150.000 đồng, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân (đều mang tên Trần Văn B Út Mười) là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H (Lẽm, L, L1, P) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 18/3/2023 (*ngày mười tám, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba*).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 122, 123, 131, 407 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H hoàn trả cho ông Đặng Nhật D số tiền 3.900.000 (*ba triệu, chín trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn Bé Út M, ông Đặng Nhật D là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình